

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Ngọc Hiếu

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DT, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 19697; hộ khẩu thường trú: Ấp TT, xã TA, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Ấp TT, xã TA, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà D có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 08/12/2016, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà D) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện DT, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật vào ngày 31/5/1997. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân, do hai bên bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống không còn tình cảm. Bà D và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Hiện tại, ông T đang sinh sống cùng các con tại ấp TT, xã TA, huyện DT còn bà D hiện đang đi làm ăn xa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D và ông T không còn tình cảm vợ chồng nên không thể chung sống với nhau được nữa nên bà D muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà D và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Khắc C, sinh năm 1997 và Huỳnh Tấn P, sinh ngày 26/8/2005. Hiện con chung Huỳnh Khắc C đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung tên Huỳnh Tấn P chưa đủ tuổi trưởng thành nên bà D đồng ý giao con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng và bà D sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Đơn xin ly hôn ngày 08/12/2016, bản tự khai, bản sao giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà D và giấy khai sinh của hai con chung, bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Ngoài ra, bà D không cung cấp chứng cứ và không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 16/5/2017 bị đơn (ông T) trình bày:**

Theo bản tự khai ngày 16/5/2017, ông T có ý kiến là không đồng ý ly hôn đối với bà D nhưng không đưa ra lý do.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện DT đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt trực tiếp cho ông T để ông T biết và tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T cố tình vắng mặt không tham quá trình giải quyết vụ án, không có lý do.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:**

Tòa án nhân dân huyện DT đã tiến hành xác minh nơi cư trú và sự mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông T và đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông T thì địa phương không thấy cự cãi, chửi bới hay đánh nhau. Trước đây, ông T làm công nhân cao su tại nước Campuchia lâu lâu mới về một lần, còn bà D ở nhà làm nghề buôn bán nhưng khoảng một năm trở lại đây thì bà D đã bỏ nhà đi làm ăn xa rất ít khi về nhà, còn ông T bị bệnh nên trở về ở nhà cùng với các con và trị bệnh. Bà D đã bỏ đi không chăm sóc gia đình, con cái và không có sự quan tâm chăm sóc ông T.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Khanh) có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy

đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông T là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc vắng mặt của bị đơn ông T là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông T chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện DT, tỉnh Bình Dương vào ngày 31/5/1997. Hôn nhân giữa bà D và ông T là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà D và ông T thường xảy ra mâu thuẫn, hai bên luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Hiện ông T đang sinh sống cùng các con tại ấp TT, xã TA, huyện DT còn bà D hiện đang đi làm ăn xa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D và ông T không còn tình cảm vợ chồng nên không thể chung sống với nhau được nữa nên bà D muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai.

[3] Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Theo bà D thì giữa bà D và ông T đã có quá nhiều mâu thuẫn. Ông T cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến của ông T về lý do ly hôn. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của bà D với ông T là phù hợp quy định pháp luật.

[4] *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà D và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Khắc C, sinh năm 1997 và Huỳnh Tấn P, sinh ngày 26/8/2005. Hiện con chung Huỳnh Khắc C đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Riêng con chung tên Huỳnh Tấn P, sinh ngày 26/8/2005 chưa đủ tuổi trưởng thành. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, bà D đồng ý giao con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng và bà D cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Con chung Huỳnh Tấn P có nguyện vọng được sống cùng với ba là ông T. Mặc dù, Tòa án không chấp được ý kiến của ông T về việc nuôi dưỡng con chung đối với Huỳnh Tấn P nhưng căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay ông T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng đối với con chung, con chung có nguyện vọng được sống cùng với ông T và bà D tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, cần tiếp tục giao con chung Huỳnh Tấn P cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và buộc bà D phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị Mỹ D đối với ông Huỳnh Văn T, xử lý cụ thể như sau:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn đối với ông Huỳnh Văn T.

2/ *Về con chung*:

- Ông Huỳnh Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Huỳnh Tấn P, sinh ngày 26/8/2005.

- Bà Lê Thị Mỹ D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Tấn P với số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng)/một tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng bà D

còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Con chung tên Huỳnh Khắc C, sinh năm 1997, đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Về án phí:

Bà Lê Thị Mỹ D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004954 ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, Bà D còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 04/7/2017).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện DT;
- CC THA DS huyện DT;
- UBND xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng